TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 09/2020/HNGĐ-PT
Ngày 19/02/2020
V/v Tranh chấp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

-Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Hải Vinh

Ông Ong Thân Thắng

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên

Trong ngày 19 tháng 02 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2020/TLPT-HNGĐ ngày 09/01/2020, về việc Tranh chấp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

Do bản án sơ thẩm số 56/2019/HNGĐ-ST ngày 12/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện H bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2020/QĐ-PT ngày 03/02/2020 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1990 (có mặt)
  Nơi cư trú: Thôn D, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang.
- ***Bị đơn:*** Anh Khương Viết H, sinh năm 1989 (có mặt)
  Nơi cư trú: Thôn Khu 4, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bắc Giang.
- ***Người kháng cáo:*** Chị Nguyễn Thị H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và anh H có 02 con chung là Khương Thị Khánh L, sinh ngày 01/10/ 2010 và Khương Hoàng N, sinh ngày 09/02/2014. Năm 2019, chị và anh H ly hôn. Ngày 25/7/2019 chị và anh H đã viết giấy nhận tiền, thỏa thuận giao 2 con chung cho anh H nuôi dưỡng, anh H trả chị 100.000.000 đồng, chị đã nhận đủ tiền trên. Tại Quyết định số 151/2019/QĐ-ST ngày 02/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện H công nhận thuận tình ly hôn và sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, vợ chồng thỏa thuận giao anh H trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung; anh H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung; vấn đề tài sản, công nợ và công sức không yêu cầu giải quyết.

Tuy nhiên, từ khi Quyết định có hiệu lực pháp luật đến nay anh H ngoại tình và các con trình bày anh H không trực tiếp chăm sóc; khi chị đến thăm nom, chăm sóc con chung thì anh H và bố mẹ anh H cản trở; mặt khác môi trường sống của các con chung không tốt, không đảm bảo do bố mẹ anh H giáo dục các cháu L và N không tốt về chị. Do vậy, chị khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, chị đề nghị giao cho chị trực tiếp nuôi dưỡng con chung Khương Hoàng N, chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, giao anh H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Khương Thị Khánh L.

Tại phiên tòa chị yêu cầu nuôi dưỡng 2 con chung, trường hợp không được nuôi 2 con chung thì yêu cầu nuôi dưỡng cháu N. Chị hiện làm tại Khu công nghiệp Quang Châu thu nhập trung bình khoảng 10.000.000 đồng/tháng.

Bị đơn là anh Khương Viết H tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa trình bày:

Anh và chị H có 02 con chung là Khương Thị Khánh L, sinh ngày 01/10/ 2010 và Khương Hoàng N, sinh ngày 09/02/2014. Năm 2019, anh và chị H ly hôn. Ngày 25/8/2019 anh và chị H đã viết giấy tự nguyện thỏa thuận anh trả chị H 100.000.000 đồng để chị H giao 2 con chung cho anh nuôi dưỡng, chị H đã nhận đủ tiền trên. Tại Quyết định số 151/2019/QĐ-ST ngày 02/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện H công nhận thuận tình ly hôn và sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, vợ chồng thỏa thuận giao anh trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung; anh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung; vấn đề tài sản, công nợ và công sức không yêu cầu giải quyết.

Từ khi Quyết định có hiệu lực pháp luật đến nay anh vẫn thực hiện việc chăm sóc con chung, đóng các khoản tiền ăn học đầy đủ; các con chung phát triển đầy đủ về thể chất và tinh thần, hiện đang sinh sống và học tập tại thị trấn T, huyện H. Anh hiện đang kinh doanh buôn bán xe máy ở thị trấn B, huyện V, cách một ngày lại về nhà, có đủ điều kiện chăm sóc con chung. Anh là người trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng các cháu L và N, bố mẹ anh sống cùng hộ gia đình phụ giúp trông nom, đưa đón các cháu đi học. Anh và bố mẹ anh không ngăn cản chị H thăm nom, nuôi dưỡng con chung vì từ khi ly hôn đến nay chị H vẫn thăm con khoảng 9 đến 10 lần.

Ngày 25/9/2019, đại diện khu 4, thị trấn T xác nhận các cháu L và N hiện đang sinh sống cùng anh Khương Viết H và bố mẹ anh H tại khu 4,thị trấn T; anh H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con và hiện đều phát triển khỏe mạnh, bình thường. Tại

đơn xin xác nhận ngày 12/11/2019, Trường tiểu học thị trấn T, huyện H xác nhận anh H là người đóng học phí cho cháu L, hiện cháu L phát triển bình thường, học lực tốt.

Với nội dung trên bản án sơ thẩm số 56/2019/HNGĐ-ST ngày 12/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện H đã áp dụng điểm b khoản 2 Điều 84, điểm a khoản 1 Điều 85 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; các Điều 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện thay đổi người trực tiếp nuôi con của chị Nguyễn Thị H.

Về con chung: Anh H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng 2 con chung Khương Thị Khánh L, sinh ngày 01/10/2010 và Khương Hoàng N, sinh ngày 09/02/2014. Chị H được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Về án phí sơ thẩm: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2017/ 0000080 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 13/11/2019, chị H kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm. Ngày 14/11/2019 chị H nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm. Chị H kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của chị. Chị đề nghị sửa bản án sơ thẩm. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị để chị được nuôi cháu Khương Hoàng N. Với lý do: Chị có thu nhập ổn định, anh H nuôi con không đảm bảo cho hai con chung. Mặt khác, anh H phải nuôi con chung với người phụ nữ khác đang chung sống cùng anh H.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H không rút đơn khởi kiện, không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Chị Nguyễn Thị H trình bầy: Chị kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của chị. Với lý do thẩm phán tòa sơ thẩm xử không khách quan, ra bản án không đúng căn cứ. Chị đề nghị Tòa phúc thẩm giải quyết cho chị được nuôi cháu Khương Hoàng N, anh H ngoại tình có con riêng với người phụ nữ khác, lý do chị xin thay đổi người trực tiếp nuôi con là khi ly hôn chị bị anh H ép đưa cho chị 100 triệu đồng để chị về ở bố mẹ chị và giao hai con cho anh H nuôi, chị được thăm nom, chăm sóc con. Nhưng từ khi ly hôn thỏa thuận không được thực hiện, chị bị gia đình anh H ngăn cấm không cho đón con về nhà ngoại, chị có báo chính quyền nhưng không có văn bản nộp cho Tòa án. Khi con chung chung sống cùng anh H, anh H không có thời gian chăm sóc con, anh H nói có bố mẹ hỗ trợ nhưng thực tế bố anh H ở với anh H, còn mẹ ở với em trai anh H nên không có thời gian chăm sóc các con, từ khi anh H nuôi con, các cháu bị áp lực tinh thần, tâm lý, các cháu hoang mang, ảnh hưởng do ông bà nhồi nhét những điều không tốt về chị, cháu L học hành kém, trước đây học sinh giỏi nhưng giờ chỉ đạt học sinh trung bình, anh H không họp phụ huynh cho con, không quan tâm đến con. Hiện nay chị đi làm

Công ty điện tử thu nhập khoảng 10 triệu đồng/tháng. Nếu được nuôi cháu N chị sẽ xin cho cháu học mẫu giáo gần nhà và trong thời gian chị đi làm có bố mẹ chị hỗ trợ đưa đón cháu N. Chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi cháu N. Chị đề nghị chấp nhận kháng cáo của chị giao cháu N cho chị nuôi vì anh H sắp kết hôn với người phụ nữ khác có thể phải sinh con.

Anh Khương Hoàng N trình bầy: Anh không đồng ý kháng cáo của chị H, chị H trình bầy không đúng, Hội đồng xét xử ngày hôm đó có đầy đủ ban bệ giải quyết theo pháp luật. Không có lý do gì để chị H nuôi hai con chung trong khi đó chị nhận tiền và đồng ý giao con cho anh nuôi, chị nói bị ép nhận tiền là không đúng, khi ly hôn giấy nhận tiền chị viết trước mặt Thẩm phán, ban đầu chị không nhận là nhận số tiền 100 triệu đồng, sau đó chị lại nhận. Lý do anh ly hôn là chị H phá thai không cho anh biết khi đó cháu Nam mới 5 tháng tuổi, chứ không ép chị H, chị H nói gia đình cản trở thăm con là không đúng, chị H vẫn đến thăm con. Tất cả bằng chứng về học của các con có xác nhận của nhà trường, địa phương, các con chung đều khỏe mạnh, phát triển bình thường, nên không có gì sai sự thật. Do vậy, anh không đồng ý kháng cáo của chị H. Anh đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đảm bảo đúng quy định pháp luật; về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của chị H. Chị H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về nuôi con chung: Năm 2019 chị Nguyễn Thị H và anh Khương Viết H có giải quyết ly hôn. Tại Quyết định Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 151/2019/QĐ-ST ngày 02/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện H đã quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, về con chung: vợ chồng thỏa thuận giao anh H trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Khương Thị Khánh L, sinh ngày 01/10/2010 và Khương Hoàng N, sinh ngày 09/ 02/2014; anh H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Từ khi Quyết định có hiệu lực pháp luật đến nay anh H ngoại tình và các con trình bày anh H không trực tiếp chăm sóc; khi chị đến thăm nom, chăm sóc con chung thì anh H và bố mẹ anh H cản trở; mặt khác môi trường sống của các con chung không tốt, không

đảm bảo do bố mẹ anh H giáo dục các cháu L và N không tốt về chị. Do vậy, chị khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, chị đề nghị giao cho chị trực tiếp nuôi dưỡng con chung Khương Hoàng N, chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, giao anh H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Khương Thị Khánh L. Chị hiện làm tại Khu công nghiệp Q thu nhập trung bình khoảng 10.000.000 đồng/tháng. Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H. Chị H kháng cáo. Xét kháng cáo của chị H. Hội đồng xét xử thấy:

Tại phiên tòa chị H trình bầy: Từ khi ly hôn, anh H không thực hiện thỏa thuận, anh H và bố mẹ anh H không chăm sóc con chung, cản trở không cho chị thăm nom, giáo dục con không tốt về chị, các cháu bị ảnh hưởng tâm lý, áp lực tinh thần học hành kém hơn nhưng chị H không xuất trình được chứng cứ chứng minh. Hiện nay anh H vẫn thực hiện việc trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, các cháu đều khỏe mạnh, phát triển bình thường và được học tập đầy đủ, chị H không chứng minh được anh H không đủ điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng hoặc có hành vi vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Mặt khác, qua xác minh tại địa phương nơi anh H cư trú, đại diện trường tiểu học thị trấn T và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện anh H là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, các con chung đều mong muốn được ở với bố, ông bà nội và các cháu tự nhận thấy được bố mẹ và ông bà nội chăm sóc khỏe mạnh, phát triển bình thường và được học tập đầy đủ. Để đảm bảo quyền lợi của các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận và đảm bảo sự phát triển ổn định, toàn diện về thể chất, tinh thần của các con chung. Bản án sơ thẩm xử bác yêu cầu khởi kiện của chị H là có căn cứ. Những lý do kháng cáo chị H đưa ra không có chứng cứ chứng minh nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị H.

Nếu quá trình người trực tiếp nuôi con là anh H không còn đủ điều kiện để nuôi con thì chị H có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Từ nhận định, phân tích trên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị H. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

[2].Về án phí phúc thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Do kháng cáo của chị H không được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị H. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 84, điểm a khoản 1 Điều 85 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin thay đổi người trực tiếp nuôi con của chị Nguyễn Thị H.

-Về con chung: Anh H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng 2 con chung Khương Thị Khánh L, sinh ngày 01/10/2010 và Khương Hoàng N, sinh ngày 09/02/2014. Chị H được quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở chị H thực hiện quyền này.

-Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng, tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2017/ 0000080 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng, tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/ 2017/0000044 ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bắc Giang.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện H;
- TAND huyện H;
- THADS huyện H;
- Đương sự;
- UBND thị trấn T, huyện H;
- Lưu HS, THCTP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Hoàng Thị Thu Hiền